**ĐẶC TẢ CHI TIẾT WEBSITE - WEBSERVICE**

1. **CHỨC NĂNG**
   1. **Phía Website Ngân Hàng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Chức Năng | Mô Tả |
| 1 | Đăng nhập |  |
| 2 | Hiển thị thông tin khách hàng |  |
| 3 | Cập nhật thông tin khách hàng |  |
| 4 | Cung cấp thẻ |  |
| 5 | Đăng ký tài khoản |  |

* 1. Phía Website Môi Giới

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Chức Năng | Mô Tả | Ghi Chú |
| 1 | Đăng ký | Người dùng có thể đăng ký tài khoản trên hệ thống của Paypal, cần cung cấp các thông tin về:  + Quốc gia  + Đối tượng: Personal, Premier, Business  + Email, Password, họ tên  + Một số thông tin khác liên quan… |  |
| 2 | Đăng nhập | Khi đã có tài khoản trên paypal, người dùng có thể đăng nhập, cần cung cấp:  + Email  + Password |  |
| 3 | Profile Khách Hàng | - Hiển thị thông tin của khách hàng  - Add/Edit Email  - Add/Edit bank account  - Add/Edit Credit card  - Add/Edit Street Address |  |
| 4 | Add card | Cho phép khách hàng thêm mới loại thẻ vào tài khoản của mình (một khách hàng có nhiều loại thẻ) |  |
| 5 | Rút tiền | + Yêu cầu  + Xác thực  + Hoàn tất | NganLuong |
| 6 | Chuyển tiền | + Chuyển tiền tạm giữ (2-10ngày)  + Chuyển tiền nhận ngay | NganLuong |
| 7 | Nạp tiền | + Dùng thẻ tín dụng: Visa, Master, American Express,  + Dùng thẻ ATM online: Vietcombank, ACB, VIB…  + Online bằng Internet-Banking + Chuyển khoản offline bằng Internet-Banking | NganLuong |
| 8 | Mở ví điện tử | Tài khoản ảo | NganLuong |
| 9 | Hiển thị thông tin lịch sử giao dịch |  | NganLuong |
| 10 | Tra cứu thông tin lịch sử giao dịch qua nhiều option |  | NganLuong |
| 11 | Thanh Toán Trực Tuyến | Giao dịch thông qua 2 hình thức:  + Tài khoản của Nganluong  + Thông qua tài khoản thẻ của ngân hàng |  |

1. **WEBSERVICE**
   1. **Môi Giới – Kinh Doanh**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Chức Năng | Mô Tả |
| 1 | Login |  |
| 2 | Chuyển khoản qua thẻ thanh toán quốc tế , lien ngân hàng  (transferMoney)  String sid, TKGui, BankID,TKNhan, LoaiTienTe, Sotienchuyen | Có thể thực hiên thanh toán của cùng một ngân hàng hoặc các ngân hàng lien kết. Đối với ngân hàng ko nằm trong hệ thống lien kết thì ko thực hiện giao dịch này |
| 3 | Lịch sử giao dịch(History) |  |
| 4 | Nhận thông tin đơn hàng từ website kinh doanh gửi qua trang thanh toán của môi giới | Khi khách hàng mua hàng ở website của kinh doanh và chọn hình thức thanh toán thông qua ví điện tử trên môi giới, thì đơn hàng sẽ được gửi đến trang thanh toán của môi giới và kèm theo thông tin của người nhận là chủ website. Lúc này mọi vấn đề xử lý điều được thực hiện trên trang của hệ thống môi giới. |

* 1. **Ngân Hàng – Môi Giới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Chức Năng | Mô Tả | Ghi Chú |
| 1 | Login | Các MG sẽ được hệ thống ngân hàng cung cấp 1 tài khoản cố định để đăng nhập vào hệ thống webservice. | Hệ thống chứng thực |
| 2 | Chứng thực (Authenticate) | Chứng thực login thành công hay thất bại vào dịch vụ webservice. Đăng nhập hợp lệ sẽ nhận được chuỗi SID để thực hiện các giao dịch khác. | 0: login lỗi(user/pass ko hợp lệ)  1: chuỗi sid |
| 3 | Chuyển khoản  (Transfer)  -string sid, string cardSend, cardRecive, double amount | Chỉ có tài khoản của MG được phép gọi hàm này sau khi đã Login WS thành công. MG sử dụng hàm này để chuyển tiền nội bộ ngân hàng | 0: thành công, 1:tài khoản gửi/nhận ko hợp lệ  2: lỗi kết nối  3: sid ko hợp  lệ  4:TK gửi ko đủ tiền chuyển  5:lỗi khác |
| 4 | -Rút tiền(withdraw)  string sid, cardSend, double amount  -Nạp tiền(recharge)  string sid, cardSend, double amount | + MG được phép gọi hàm này sau khi đã Login WS thành công. MG sử dụng hàm này để rút tiền nội bộ ngân hàng  + Hình thức nhận tiền: tai khoản MG sẽ nhận được tiền | 0: thành công, 1:tài khoản gửi ko hợp lệ  2: lỗi kết nối  3: sid ko hợp  lệ  4:TK gửi ko đủ  Tiền rút  5:lỗi khác |
| 5 | Lịch sử giao dịch (history) | Liệt kê chi tiết tất cả các giao dịch (thành công ,thất bại), thống kê các phiên giao dịch (chuyển – rút tiền) | Phải login thành công |